ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3319 /QĐ-UBND	*Nam Trà My, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về Ban hành quy chế công tác thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 68/TTr-NV ngày 02/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My ban hành quy chế công tác thi đua, khen thưởng hết hiệu lực kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, hội, đoàn thể huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ, Phòng TĐ-KT;
- TTHU, TTHĐND, UBMTTQVN huyện;
-CT, các PCT UBND huyện;
- Cụm thi đua 9 huyện miền núi;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã;
- Lưu VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Duy Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Công tác thi đua, khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3319 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định hồ sơ, thủ tục khen thưởng, thời gian xét khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua và được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; việc xử lý các trường hợp vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương), gia đình, cá nhân trong và ngoài huyện.

2. Người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của huyện, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của huyện được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải trên cơ sở cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

b) Khen thưởng phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó,

không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất; chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

Điều 4. Quy định chung về khen thưởng

1. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải dựa trên cơ sở cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phòng trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

a) Đối với cá nhân là Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các hội, đoàn thể cấp huyện; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Giám đốc (Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị) các doanh nghiệp chỉ trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm trình khen thưởng phải đạt được các danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên.

b) Các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các doanh nghiệp: Không xem xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc, trực thuộc nếu tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương đó không đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và không đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh" trở lên khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương do cá nhân đó lãnh đạo trong năm đề nghị khen thưởng không đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

c) Đối với cấp phó người đứng đầu được ủy quyền phụ trách (điều hành) khi người đứng đầu bị ốm, đi học hoặc vì lý do khác được cấp có thẩm quyền đồng ý nghỉ làm việc từ 6 tháng trở lên trong năm thực hiện nguyên tắc khen thưởng như người đứng đầu được quy định tại Điểm a, b thuộc khoản này.

3. Căn cứ kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và kết quả xếp loại tổ chức Đảng của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị xét khen thưởng (Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các tập thể thuộc, trực thuộc; cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo số lượng theo quy, định cụ thể:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc tổ chức Đảng xếp mức không hoàn thành nhiệm vụ: không xét, đề nghị khen thưởng cho tất cả các tập thể thuộc, trực thuộc và cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hoàn thành nhiệm vụ hoặc tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành nhiệm vụ: xét, đề nghị tặng danh hiện Tập thể Lao động xuất sắc không quá 20% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 02% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành tốt nhiệm vụ: xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 50% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 05% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành tốt nhiệm vụ: xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 80% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 08% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: không hạn chế tỷ lệ xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 80% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Các cơ quan, đơn vị không thuộc diện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc không có tổ chức Đảng thì xét, đề nghị tặng danh hiện Tập thể lao động xuất sắc không quá 40% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 04% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

f) Ngoài các quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản này, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào vị trí xếp loại thi đua từ 1 đến 4 ở mỗi cụm (không xếp đồng vị thứ 4 sau 3 tập thể) của các cơ quan, đơn vị được xem xét, đề nghị tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

4. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập

thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn để xét khen thưởng.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Đối với khen thưởng (Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) trong sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề hoặc sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện thì phải có văn bản thống nhất chủ trương khen thưởng của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trước khi thực hiện. Không thực hiện khen thưởng khi sơ kết, tổng kết luật, pháp lệnh, nghị định.

Đối tượng khen thưởng là các cơ quan, đơn vị, địa phương; cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, các gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; trường hợp đặc biệt phải được sự thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Số lượng khen thưởng tối đa không quá 05 tập thể 10 cá nhân đối với khen tổng kết và không quá 02 tập thể và 05 cá nhân đối với sơ kết. Đối với các phong trào thi đua có hướng dẫn khen thưởng của Trung ương và 04 phòng trào thi đua yêu nước trọng tâm do Thủ tướng Chính phủ phát động thực hiện theo quy định, hướng dẫn riêng.

7. Căn cứ thành tích đạt được của tập thể, cán nhân thuộc đơn vị Lực Lượng vũ trang (Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện) trong các phòng trào thi đua yêu nước hằng năm trên địa bàn huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định tặng Giấy khen với số lượng không quá 03 tập thể và 07 cá nhân. Hội thẩm nhân dân cấp huyện có thành tích xuất sắc trong công tác khi kết thúc nhiệm kỳ, căn cứ vào thành tích đạt được, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định tặng giấy khen đối với số lượng tối đa không quá 05 cá nhân.

8. Đối với khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước

Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, cụ thể:

a) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến).

b) Các tập thể, cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động các hạng (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) thì sau 02 năm nếu đảm bảo điều kiện, tiêu